

Bản án số: 05/2021/DS-ST

Ngày: 22 - 6 -2021

V/v: *Tranh chấp hợp đồng vay tài sản.*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THIỆU HÓA, TỈNH THANH HÓA

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Chủ tọa phiên tòa: Ông Hoàng Văn Đạt –Thẩm phán.

Các hội thẩm nhân dân: 1. Ông Lê Dũng Tấn;
2. Bà Trinh Thị Hạnh.

Thư ký phiên tòa: Bà Vũ Thị Quy– Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thiệu Hóa, tỉnh Thanh Hóa.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thiệu Hóa tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Huyền Thảo.

Ngày 22 tháng 6 năm 2021; tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Thiệu Hóa, tỉnh Thanh Hóa, Toà án nhân dân huyện Thiệu Hóa xét xử sơ thẩm công khai theo thủ tục thông thường vụ án thụ lý số: 19/2020/TLST - DS ngày 02/10/2020 về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”. Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 09/2021/QĐXXST - DS ngày 06/4/2021 và Thông báo về việc mở lại phiên tòa số 07/TB-TA ngày 10/6/2021 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông Hoàng Cao K, sinh năm 1963;

Địa chỉ: Thôn 4, xã XG, huyện Thọ Xuân, tỉnh Thanh Hóa.

Người đại diện theo ủy quyền của Nguyên đơn: Bà Ngô Thị N, sinh năm 1995; Địa chỉ: Thôn DK, xã HĐ, huyện Hoảng Hóa, tỉnh Thanh Hóa (Theo văn bản ủy quyền ngày 04/9/2020). Bà N có mặt tại phiên tòa.

2. Bị đơn: - Anh Nguyễn Đình Đ, sinh năm 1975;

- Chị Nguyễn Thị T, sinh năm 1975;

Cùng địa chỉ: Thôn DC, xã TC, huyện Thiệu Hóa, tỉnh Thanh Hóa; Anh Đ và chị T vắng mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện đề ngày 21/7/2020, bản tự khai ngày 15/10/2020 cũng như trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn và đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày:

Ngày 30/10/2018 ông Hoàng Cao K có cho anh Nguyễn Đình Đ và chị Nguyễn Thị T vay số tiền 230.000.000đ (Hai trăm ba mươi triệu đồng), ngày 18/11/2018 ông Hoàng Cao K cho anh Nguyễn Đình Đ và chị Nguyễn Thị T vay thêm số tiền 170.000.000đ (Một trăm bảy mươi triệu đồng), tổng tiền cả hai lần vay là 400.000.000đ (Bốn trăm triệu đồng); Cả hai lần vay tiền đều lập giấy vay tiền, thỏa thuận về số tiền vay, nhưng về thời hạn thanh toán chỉ thỏa thuận bằng lời nói là 01

tháng. Tuy nhiên khi đến hạn thanh toán chị T và anh Đ đều tránh mặt, khất lần. Nay ông Hoàng Cao K yêu cầu Anh Nguyễn Đình Đ và bà Nguyễn Thị T trả tiền gốc vay là 400.000.000đ (Bốn trăm triệu đồng) và yêu cầu trả tiền lãi quá hạn từ tháng 12 năm 2018 đến ngày khởi kiện là $400.000.000đ \times 10\% / \text{năm} \times 1,5 \text{ năm} = 60.000.000đ$ (Sáu mươi triệu đồng). Tổng cộng gốc và lãi vay là 460.000.000đ (Bốn trăm sáu mươi triệu đồng) tại thời điểm khởi kiện yêu cầu trả lãi tiếp theo cho đến khi trả hết nợ theo lãi suất 10%/ năm.

Tại phiên tòa đại diện cho nguyên đơn chỉ yêu cầu anh Đ và chị T phải trả tiền gốc cho ông K là 400.000.000đ (Bốn trăm triệu đồng) và tính lãi kể từ tháng 7 năm 2020 với lãi suất 10%/năm đến khi Tòa án xét xử.

Tại bản tự khai ngày 10/11/2020 cũng như trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn là chị Nguyễn Thị T công nhận hai lần chị T và anh Đ có vay tiền của ông Hoàng Cao K với tổng số tiền vay 400.000.000đ (Bốn trăm triệu đồng) như ông K khởi kiện, khi vay không có lãi và không hẹn ngày phải trả nợ; Do chỗ quen biết ông K không lấy lãi, vợ chồng anh Đ và chị T thường xuyên vay tiền ông K, do làm ăn khó khăn, chị T đề nghị mỗi tháng trả cho ông K 30.000.000đ cho đến khi hết nợ.

Anh Nguyễn Đình Đ đã được triệu tập hợp lệ nhưng không có bản khai không có ý kiến tại Tòa án và vắng mặt tại phiên tòa.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa đã phát biểu về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử: Trong quá trình từ khi thụ lý giải quyết vụ án, Thẩm phán được phân công và Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án thụ lý đúng thẩm quyền xác định đúng tư cách pháp lý của những người tham gia tố tụng, quan hệ pháp luật tranh chấp. Căn cứ quy định của pháp luật, tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Nguyên đơn, bị đơn phải chịu án phí Dân sự sơ thẩm theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng: Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền, nguyên đơn khởi kiện về việc giải quyết tranh chấp hợp đồng vay tài sản, Tòa án giải quyết theo quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự. Các đương sự cư trú tại huyện Thiệu Hóa thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Thiệu Hóa, tỉnh Thanh Hóa theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

Tòa án thông báo, triệu tập anh Đ và chị T lần thứ hai để tham gia phiên tòa nhưng vẫn không có mặt tại phiên tòa, do đó căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228 BLTTDS, Tòa án tiến hành xét xử vụ án vắng mặt anh Đ và chị T.

[2]. Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn thấy rằng: Căn cứ vào giấy vay tiền có nội dung thể hiện số tiền vay, người vay là anh Đ và chị T, chị T thừa nhận vợ chồng anh Đ và chị T có vay tiền của ông Hoàng Cao K; Xét giấy vay tiền được xác lập theo điều 463 Bộ luật dân sự năm 2015, có nội dung phù hợp không trái đạo đức xã hội, được hai bên thừa nhận; Nên Hội đồng xét xử nhận định văn bản Hợp đồng cho vay tiền giữa các bên là hợp pháp, là căn cứ phát sinh quyền và nghĩa vụ của các bên. Ông K yêu cầu anh Đ và chị T phải trả tiền gốc vay là 400.000.000đ (Bốn trăm triệu đồng) là có căn cứ nên chấp nhận.

[3]. Về yêu cầu trả khoản tiền lãi trên nợ chưa trả, lãi tính từ tháng 7 năm 2020 đến khi Tòa án xét xử vụ án; Thấy rằng, trong giấy vay tiền không thể hiện có việc các bên thỏa thuận trả lãi; Theo nguyên đơn khai hai bên có thỏa thuận ngoài vay trong thời hạn một tháng; tuy nhiên chị T không thừa nhận về việc phải trả lãi suất và thời hạn trả; theo quy định tại khoản 4 Điều 466 Bộ luật dân sự năm 2015 quy định “ *Trường hợp vay không có lãi mà khi đến hạn bên vay không trả nợ, hoặc trả không đầy đủ thì bên cho vay có quyền yêu cầu trả tiền lãi với mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của bộ luật này trên số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả*” nên chấp nhận tính lãi của nguyên đơn khi bản án có hiệu lực pháp luật theo lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự là phù hợp. Đối với yêu cầu tính tiền lãi từ tháng 7 năm 2020 đến khi Tòa án xét xử với lãi suất 10%/ năm không phù hợp nên không chấp nhận

[4]. Về án phí: Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên anh Đ và chị T phải chịu toàn bộ tiền án phí Dân sự sơ thẩm là 5% trên số tiền phải trả cho nguyên đơn. Nguyên đơn là người có công với cách mạng, có đơn xin miễn án phí nên không phải chịu án phí đối với phần yêu cầu tính lãi mà Hội đồng xét xử không chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ:

- Khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

- Điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự;

- Điều 401, Điều 463, Khoản 4 Điều 466; Điều 468 Bộ luật dân sự 2015;

- Điều 6; Điều 9, Điều 18; khoản 2, Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đã được thay đổi tại phiên tòa. Buộc anh Nguyễn Đình Đ và chị Nguyễn Thị T có nghĩa vụ liên đới trả cho ông Hoàng Cao K số tiền 400.000.000đ (Bốn trăm triệu đồng).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, ông K có đơn yêu cầu thi hành án về khoản tiền phải trả cho đến khi thi hành án xong, hàng tháng anh Nguyễn Đình

Đ và chị Nguyễn Thị T còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

2. Về án phí: Anh Nguyễn Đình Đ và chị Nguyễn Thị T phải chịu tiền án phí sơ thẩm là 20.000.000đ (*Hai mươi triệu đồng*).

Trường hợp bản án, được thi hành theo quy định tại Điều 2 luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

3. Về quyền kháng cáo đối với bản án: Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án này trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Anh Đ và chị T có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện Thiệu Hóa;
- Tòa án Nhân dân tỉnh Thanh Hóa;
- Thi hành án dân sự (để thi hành);
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Hoàng Văn Đạt

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lê Dũng Tấn

Trịnh Thị Hạnh

Hoàng Văn Đạt